

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2022/DS-PT

Ngày: 20-01-2022

*"V/v: Tranh chấp về chia
thừa kế tài sản"*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Dương Viết Hải

Các Thẩm phán: ông Võ Bá Lưu và ông Nguyễn Văn Nghĩa

- Thư ký phiên toà: bà Võ Thị Như Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên toà: bà Lê Thị Phương Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2022, tại phòng xét xử Dân sự. Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 31/2021/TLPT-DS về việc “Tranh chấp về chia thừa kế tài sản”, do Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2021/DSST ngày 23/7/2021 của Tòa án nhân dân huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2357/2021/QĐXX-PT ngày 01 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Xuân Q, sinh năm: 1962; địa chỉ nơi cư trú: Thôn Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Nguyễn Xuân Q:* Ông Hoàng Khắc Ch - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Quảng Bình, có mặt.

- Bị đơn:

1. Ông Nguyễn Xuân Th, sinh năm 1973; địa chỉ nơi cư trú: Thôn M, xã Ph, huyện T, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt lần hai không có lý do.

2. Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1971; địa chỉ nơi cư trú: Thôn 4 Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt lần hai không có lý do.

3. Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1976; địa chỉ nơi cư trú: Thôn 4 Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt lần hai không có lý do.

4. Ông Nguyễn Ngọc V, sinh năm 1960; địa chỉ nơi cư trú: Thôn S, xã Th, huyện B, tỉnh Bình Phước (có ý kiến đề nghị xét xử vắng mặt).

5. Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1970; địa chỉ nơi cư trú: Thôn 3 Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt lần hai không có lý do.

Bà Nguyễn Thị C, ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị Th (có giấy ủy quyền cho ông Nguyễn Xuân Th kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm và giải quyết xong vụ án, văn bản ủy quyền đề ngày 25/7/2021)

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Bà Phạm Thị Ng, sinh năm 1975; địa chỉ nơi cư trú: Thôn 4 Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt lần hai không có lý do.

Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Nguyễn Xuân Q và bị đơn, đại diện theo ủy quyền của các bị đơn ông Nguyễn Xuân Th.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Xuân Q trình bày:

Bố mẹ ông là ông Nguyễn M và bà Phạm Thị Th sinh được 06 người con gồm Nguyễn Ngọc V, Nguyễn Xuân Q, Nguyễn Thị C, Nguyễn Thị Th, Nguyễn Xuân Th và Nguyễn Văn S. Trước đây trong quá trình sinh sống bố mẹ ông có khai hoang phục hóa được một thửa đất. Sau đó bố mẹ ông chia cho 04 người em gồm anh V, chị C, anh Th và anh S những thửa đất này các em anh em của ông đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi bố mẹ ông chết có để lại hai thửa đất gồm. Thửa đất số 366, tờ bản đồ số 15, diện tích 624m² (trong đó đất ở nông thôn 200m²; đất trồng cây lâu năm 424m²), địa chỉ: Thôn 4 Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh Quảng Bình, trên thửa đất có một ngôi nhà một gian và một số công trình, cây ăn quả ông đang quản lý, sử dụng và thửa đất số 421, tờ bản đồ số 15, diện tích 496m², mục đích sử dụng đất là đất trồng lúa, địa chỉ: Thôn 4 Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh Quảng Bình, trên thửa đất ông Nguyễn Xuân Th xây dựng chuồng trại chăn nuôi nên ông đang quản lý, sử dụng. Hai thửa đất đã được UBND huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 10/7/2007 mang tên bố mẹ ông Nguyễn M và bà Phạm Thị Th. Năm 2010 bố ông chết, năm 2018 mẹ ông chết. Trước khi chết bố mẹ ông có di nguyện để lại miêng đất có ngôi nhà cho ông, nhưng do ông bà không hiểu biết pháp luật nên chưa kịp làm thủ tục, giấy tờ di chúc thừa kế để lại cho ông mà chỉ nói bằng miệng, chưa được cơ quan có thẩm quyền chứng thực. Năm 2017, được sự nhất trí của mẹ, các anh em trong gia đình, ông đã bỏ tiền ra thuê người làm nhà cấp 4 và ở từ đó đến nay. Tháng 7/2020, sau khi ông từ tỉnh Bình Phước về tiến hành họp anh em lại để yêu cầu sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng hai thửa đất mang tên bố mẹ ông sang tên ông, thì anh em trong gia đình không nhất trí và cho rằng vì đây là đất hương hỏa dùng để làm nơi thờ phụng bố mẹ, nên chỉ đồng ý cho ông ở và quản lý toàn bộ số tài sản, mà không đồng ý làm thủ tục chuyển đổi quyền sử dụng sang tên

ông nên ông không nhất trí. Vì vậy, ông làm đơn khởi kiện yêu cầu chia thừa kế tài sản của bố mẹ để lại theo quy định của pháp luật. Ông cho rằng khi sống bố mẹ ông đã di nguyện lại thừa đất số 366, tờ bản đồ số 15, diện tích 624m² có ngôi nhà cho ông, còn ngôi nhà cấp bốn trên đất là do ông bỏ tiền ra làm nên là tài sản riêng của ông, nên ông có nguyện vọng được quyền sử dụng thừa đất để ở và sinh sống, thờ cúng ông bà tổ tiên. Ngoài ra, ông đề nghị giao kỹ phần thừa kế của ông V cho ông được hưởng và cho ông được hưởng thêm một phần di sản thừa kế vì ông là người tàn tật, không có khả năng lao động theo quy định tại Điều 644 Bộ luật dân sự và đề nghị Tòa án miễn án phí, lệ phí Tòa án cho ông theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, các bị đơn ông Nguyễn Xuân Th, ông Nguyễn Văn S, bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị Th và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Ng thống nhất trình bày: Các ông bà đều nhất trí với phần trình bày của nguyên đơn ông Q về nguồn gốc di sản thừa kế, hàng thừa kế và thời điểm mở thừa kế là ông Nguyễn M và bà Phạm Thị Th (chết). Trước đây bố mẹ các ông bà còn sống có khai hoang phục hóa được một thửa đất. Sau đó bố mẹ đã chia cho 04 người con gồm anh V, chị C, anh Th và anh S, các anh chị đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Còn về ý kiến của ông Q là không đúng, vì khi bố mẹ các ông bà khi sống thì ông Q vào làm ăn và xây dựng gia đình tại tỉnh Bình Phước, hiện ông Q đã có nhà và gia đình vợ con ở trong đó. Khi bố mẹ chết ông Q về được mấy ngày rồi đi. Trước khi chết bố mẹ không nói cho ông Q đất như ông Q trình bày, mà chỉ nói sau khi chết thì thửa đất có ngôi nhà để làm nơi thờ cúng, không chia cho ai cả. Vừa qua ông Q có nguyện vọng muốn về quê sinh sống, anh em trong gia đình đã bàn bạc nhất trí tài sản của bố mẹ để lại gồm hai thửa đất, một thửa đất ở có một ngôi nhà một gian giao cho ông Q được quyền ở và quản lý, sử dụng, mà không làm thủ tục sang tên cho ông Q; còn thửa đất ruộng lúa lâu nay ông Nguyễn Xuân Th đã xây dựng chuồng trại chăn nuôi để sử dụng và sản xuất nên giao cho ông Th tiếp tục sử dụng, sản xuất. Do đó, việc ông Q khởi kiện ra Tòa án yêu cầu chia tài sản thừa kế của bố mẹ để lại các ông bà không nhất trí.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Ngọc V trình bày: Do điều kiện ở xa, bản thân đau ốm thường xuyên và dịch bệnh COVID-19 nên không thể trực tiếp về tham gia giải quyết vụ án được, ông V đã có văn bản ghi ý kiến của mình gửi cho Tòa án. Ông nhất trí như phần trình bày của nguyên đơn và các bị đơn cũng như người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan về nguồn gốc di sản thừa kế, hàng thừa kế và thời điểm mở thừa kế. Trong quá trình sinh sống bố mẹ ông đã cho em trai ông Th 01 thửa, cho em gái C 01 thửa, các em của ông đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi chết bố mẹ ông còn lại hai thửa đất mang tên bố mẹ ông, ông là hàng thừa kế thứ nhất. Vì vậy, nếu được chia tài sản của bố mẹ ông để lại là quyền sử dụng đất thì ông xin được nhường lại toàn bộ phần di sản thừa kế của ông để lại cho em trai ông là Nguyễn Xuân Q toàn quyền sở hữu, quản lý, sử dụng và định đoạt, do ông Q có hoàn

cảnh tật nguyên, đi lại khó khăn, chưa có chỗ ở tại quê nhà và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt ông.

Ngày 19/4/2021, nguyên đơn ông Nguyễn Xuân Q có đơn yêu cầu xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Ngày 13/5/2021, Hội đồng thẩm định tại chỗ và định giá tài sản huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình đã kết luận:

Thửa đất số 366, tờ bản đồ 15, diện tích 624m²; địa chỉ: Thôn 4 Đức Phú, xã Đức Hóa, huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình. Diện tích đất sử dụng thực tế đúng với diện tích đất đã cấp trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 624m² tài sản trên đất có: Một ngôi nhà một gian nhà cấp 4, mái lợp tôn, tường xây bao bằng gạch tô trát hoàn chỉnh, nền lát gạch, diện tích 5,7m² có giá trị là 71.974.000đ; Một mái che (dàn mát) diện tích 5m² lợp broximăng có giá trị là 7.869.000đ; Hai cây cau loại đang thu hoạch (có quả) trị giá là 315.000đ; Một cây cọ trồng trên 3 năm trị giá: 45.000đ; Hai cây xoan đường kính >25cm trị giá 80.520đ; 17 cây chuối chưa thu hoạch trị giá 391.000đ; 05 gốc mít đã cắt bán từ trước không xác định được giá trị; 01 tủ bích phê bằng gỗ trị giá 200.000đ; Một ao cá sâu <1,5m diện tích 152m² trị giá 7.600.000đ; Giá trị đất ở 200m² thuộc khu vực 3, vị trí 1 giá trị đất ở 200m² x 33.000đ/m² trị giá: 6.600.000đ; Giá trị đất trồng cây lâu năm 424m² x 20.000đ/m² trị giá 8.480.000đ. Tổng giá trị tài sản trên đất và giá trị đất là 103.554.500đ (một trăm linh ba triệu năm trăm năm mươi bốn nghìn năm trăm đồng).

Thửa đất số 421, tờ bản đồ 15, diện tích 496m² đất sản xuất nông nghiệp. Diện tích thực tế sử dụng đúng với diện tích đất đã cấp trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 496m² tài sản trên đất có: Một chuồng trại chăn nuôi tường xây gạch cao >2,5m nền láng xi măng mái lợp tôn 166,14m² x 655.000/m² trị giá 108.822.000đ; Giá trị thửa đất 496m² x 20.000đ/m² trị giá 9.920.000đ. Tổng giá trị đất và tài sản trên đất là 118.742.000đ (một trăm mười tám triệu bảy trăm bốn mươi hai nghìn đồng).

Tổng cộng toàn bộ tài sản giá trị đất và tài sản trên đất của hai thửa đất là 222.296.500đ (hai trăm hai mươi hai triệu hai trăm chín mươi sáu nghìn năm trăm đồng)

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 08/2021/TCDS - ST ngày 23 tháng 7 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình đã quyết định:

Tuyên bố: Chấp nhận đơn khởi kiện về việc “Tranh chấp thừa kế tài sản” của ông Nguyễn Xuân Q đối với ông Nguyễn Ngọc V, bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị Th, ông Nguyễn Xuân Th và ông Nguyễn Văn S.

1. Áp dụng các Điều 611; Điều 612; Điều 613; Điều 623; Điều 649; Điều 650; điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 651; Điều 660 BLDS 2015 xử:

* Giao cho ông Nguyễn Xuân Q được sử dụng thửa đất số: 366, tờ bản đồ 15, diện tích 624m² và sở hữu số tài sản nằm trên đất, địa chỉ thửa đất thôn 4 Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh Quảng Bình Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Nguyễn M, bà Phạm Thị Th. Tài sản trên đất gồm có:

- 01 ngôi nhà một gian nhà cấp 4, mái lợp tôn, tường xây bao bằng gạch tô trát hoàn chỉnh, nền lát gạch, diện tích 5,7m² có giá trị là 71.974.000đ; 01 mái che (dàn

mát) diện tích $5m^2$ lợp broximăng có giá trị là 7.869.000đ; 02 cây cau loại đang thu hoạch (có quả) trị giá là 315.000đ; 01 cây cọ trồng trên 3 năm trị giá: 45.000đ; 02 cây xoan đường kính $>25cm$ trị giá: 80.520đ; 17 cây chuối chưa thu hoạch trị giá: 391.000đ; 01 tủ bích phê bằng gỗ trị giá 200.000đ; 01 ao cá sâu $<1,5m$ diện tích $152m^2$ trị giá 7.600.000đ.

Cụ thể các cạnh:

- Phía Bắc giáp đất bà Nguyễn Thị C: điểm 1 - 2 = 19,3m.
- Phía Nam giáp đường giao thông: Điểm 5 - 6 = 14,41m.
- Phía Đông giáp ông Nguyễn Văn S và ông Nguyễn Văn S2: Điểm 7 - 8 = 16,48m; Điểm 8 - 9 = 1,75m; Điểm 9 - 1 = 16,54m.
- Phía Tây giáp đất ông Nguyễn Văn S2: Điểm 2 - 3 = 22,28m; Điểm 3 - 4 = 3,93m; Điểm 4 - 5 = 10,66m.

Ông Nguyễn Xuân Q có trách nhiệm liên hệ với các cơ quan chức năng để làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai và trả lại số tiền chia tài sản cho các đồng thừa kế cụ thể: Ông Nguyễn Xuân Q phải trả cho ông Nguyễn Xuân Th, ông Nguyễn Văn S, bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị Th, ông Nguyễn Ngọc V mỗi người số tiền là 17.259.000đ (*mười bảy triệu hai trăm năm mươi chín nghìn đồng*).

* Giao cho ông Nguyễn Xuân Th được sử dụng thửa đất số 421; tờ bản đồ 15; diện tích $496m^2$ địa chỉ thửa đất thôn 4 Đ, xã Đ, huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Nguyễn M, bà Phạm Thị Th và được sở hữu tài sản trên đất gồm có: 01 chuồng trại chăn nuôi tường xây gạch cao $>2,5m$ nền láng xi măng mái lợp tôn $166,14m^2 \times 655.000/m^2$.

Cụ thể các cạnh:

- Phía Bắc giáp đường giao thông dài: 12,8m.
- Phía Nam giáp suối dài: 13,48m.
- Phía Đông giáp thửa đất trồng lúa của ông Nguyễn Văn S dài: 36,60m.
- Phía Tây giáp thửa đất lúa của ông Nguyễn Xuân Th dài: 38,21m.

Ông Nguyễn Xuân Th có trách nhiệm liên hệ với các cơ quan chức năng để làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai và trả lại số tiền giá trị tài sản đất cho các đồng thừa kế cụ thể: Ông Nguyễn Xuân Th phải trả cho ông Nguyễn Xuân Q, ông Nguyễn Văn S, bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Ngọc V mỗi người số tiền là 1.653.000đ (*một triệu sáu trăm năm mươi ba nghìn đồng*).

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định án phí, chi phí tố tụng, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 05/8/2021 nguyên đơn ông Nguyễn Xuân Q có đơn kháng cáo toàn bộ bản án, không chấp nhận phần nội dung quyết định của bản án sơ thẩm đã tuyên.

Ngày 25/7/2021 bị đơn và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Xuân Th có đơn kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm giao

toàn bộ ngôi nhà và các tài sản trên thửa đất số 366, tờ bản đồ số 15, diện tích 624m² cho ông Nguyễn Văn S được sở hữu, sử dụng.

Tại phiên tòa phúc thẩm. Nguyên đơn ông Nguyễn Xuân Q giữ nguyên nội dung kháng cáo; bị đơn và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Xuân Th vắng mặt lần hai không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa phúc thẩm, phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm: Thẩm phán được phân công trực tiếp giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về việc thụ lý vụ án, về thời hạn giải quyết vụ án, về việc chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nghiên cứu. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục và nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật, người kháng cáo bị đơn và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn được triệu tập hợp lệ lần hai mà vẫn vắng mặt không có lý do.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 296, khoản 2, 5 Điều 308, Điều 309 và khoản 2 Điều 312 Bộ luật tố tụng dân sự. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị đơn và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn. Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn, sửa một phần bản án sơ thẩm. Kháng cáo của nguyên đơn được chấp nhận một phần nên không phải chịu án phí; bị đơn và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn vắng mặt lần hai tại phiên tòa phúc thẩm nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng công khai tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn nằm trong thời hạn, đảm bảo về người kháng cáo, hình thức và nội dung kháng cáo, đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm và phù hợp với quy định tại các Điều 271, 272 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn được xem xét theo trình tự, thủ tục phúc thẩm. Tại phiên tòa bị đơn, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn được triệu tập hợp lệ lần hai mà vẫn vắng mặt không có lý do, coi như từ bỏ việc kháng cáo. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án và đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị đơn và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn theo khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét kháng cáo của đương sự thấy:

[2.1] Các bên đương sự đều thừa nhận bố mẹ các ông bà là cụ Nguyễn M, chết năm 2010 và cụ Phạm Thị Th, chết năm 2018. Hai cụ có 06 người con còn sống tại thời điểm mở thừa kế gồm: ông Nguyễn Ngọc V, ông Nguyễn Xuân Q, bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị Th, ông Nguyễn Xuân Th và ông Nguyễn Văn S. Sau khi chết hai cụ M, Th để lại khối tài sản gồm. Thửa đất số 366, tờ bản đồ 15, diện tích 624m² (trong đó đất ở 200m², đất vườn 424m²), địa chỉ: Thôn 4 Đức Phú, xã Đức Hóa, huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình, trên thửa đất có ngôi nhà cấp bốn, một số công trình (làm năm 2017) và một số cây ăn quả. Hiện nay ông Q đang quản lý, sử dụng và thửa đất số 421, tờ bản đồ 15, diện tích 496m² đất sản xuất nông nghiệp; địa chỉ: Thôn 4 Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh Quảng Bình, trên thửa đất có chuồng trại chăn nuôi do ông Nguyễn Xuân Th xây dựng và đang quản lý, sử dụng. Hai thửa đất này đã được Ủy ban nhân dân huyện Tuyên Hóa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hai cụ M, cụ Th. Hai cụ chết không để lại di chúc. Vì vậy, Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định hàng thừa kế, thời hiện thừa kế và di sản thừa kế để chia theo pháp luật là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các Điều 611, 612, 613, 623, 649, 650 và điểm a khoản 1 Điều 651 Bộ luật dân sự.

[2.2] Xét về kỹ phân và chia thừa kế:

Cụ Nguyễn M và cụ Phạm Thị Th chết không để lại di chúc, di sản hai cụ để lại các đồng thừa kế không thỏa thuận được giá trị, nên đã yêu cầu Hội đồng tiến hành thẩm định tại chỗ và định giá tài sản kết luận. Tổng cộng khối di sản hai cụ M, Th để lại trị giá 113.474.500 đồng (*Một trăm mười ba triệu bốn trăm bảy mươi bốn nghìn năm trăm đồng*). Hai cụ có 6 người con hiện đang còn sống nên di sản của hai cụ được chia theo pháp luật cho 6 người con (hàng thừa kế thứ nhất). Mỗi kỹ phân thừa kế là 113.474.500 đồng : 6 = 18.912.000 đồng.

Đối với thửa đất số 366, tờ bản đồ 15, diện tích 624m², trên thửa đất có ngôi nhà cấp bốn, các công trình, cây cối, hiện nay do ông Quang đang quản lý, sử dụng. Ông Q có nguyện vọng được về quê sinh sống, nhưng bản thân bị tàn tật nên muốn sở hữu nhà và quyền sử dụng đất để có chỗ ở ổn định, khi hai cụ còn sống cũng đã cho một số người con đất để làm nhà, nên các đồng thừa kế khác đã có nhà và chỗ ở ổn định. Với lại, lúc đầu các đồng thừa kế cũng đồng ý giao nhà và đất cho ông Q quản lý, sử dụng để làm nơi ở và thờ cúng ông bà tổ tiên, nhưng không đồng ý sang tên nhà, đất cho ông Q. Mặt khác, ngôi nhà và các công trình trên đất nằm chiếm gần hết thửa đất, nên chia cho các đồng thừa kế thì diện tích nhỏ, manh mún, khó sử dụng, làm mất giá trị sử dụng của ngôi nhà và các công trình trên đất, gây thiệt hại đến các tài sản nên không thể chia bằng hiện vật mà phải chia bằng giá trị. Còn thửa đất số 421, tờ bản đồ 15, diện tích 496m², đất sản xuất nông nghiệp, tài sản trên đất chuồng trại chăn nuôi là tài sản riêng của ông Th và là người đang quản lý, sử dụng ổn định. Ông Th có nguyện vọng được tiếp tục sử dụng để quản lý tài sản và thực hiện việc chăn nuôi, tạo thu nhập cho gia đình. Phần đông các đồng thừa kế (bà C, bà Th và ông S) đều nhất trí giao lại cho ông Thịnh tiếp tục sử dụng, quản lý và làm nghĩa vụ đối với Nhà nước. Chuồng trại chăn nuôi chiếm gần hết diện tích đất, nếu chia cho các

đồng thừa kế thì khó sử dụng, làm mất giá trị sử dụng và thiệt hại đến tài sản, nên không thể chia bằng hiện vật mà phải chia bằng giá trị. Vì vậy, Tòa cấp sơ thẩm đã giao thửa đất số 366, tờ bản đồ 15, diện tích 624m² và tài sản trên thửa đất cho ông Nguyễn Xuân Q được quyền sở hữu, sử dụng và giao thửa đất số 421; tờ bản đồ 15; diện tích 496m² và tài sản trên thửa đất cho ông Nguyễn Xuân Th được quyền sở hữu, sử dụng, nhưng ông Q và ông Th phải có nghĩa vụ trả lại kỷ phần thừa kế cho các đồng thừa kế khác mà họ được hưởng theo giá trị là có căn cứ, phù hợp với nhu cầu, điều kiện quản lý và hiện trạng sử dụng.

[2.3] Xét kháng cáo của ông Q cho rằng ngôi nhà ở cấp bốn và một số công trình, cây ăn quả trên thửa đất số 366, tờ bản đồ 15, diện tích 624m², hiện nay do ông Q đang quản lý, sử dụng là tài sản riêng của ông mà không phải là tài sản của bố mẹ ông để lại thấy. Năm 2017, do ngôi nhà mẹ ông ở bị xuống cấp nên các đồng thừa kế đã bàn bạc tự nguyện, ai có tiền góp tiền, ai có công góp công, không xác định cụ thể mỗi người nộp bao nhiêu tiền, với ý thức làm nhà và các công trình cho mẹ các ông bà sinh sống và làm nơi thờ cúng ông bà, tổ tiên. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án ông Q cho rằng ông là người con tàn tật, mắc bệnh hiểm nghèo, không tự lao động để nuôi sống bản thân, phải nương nhờ vào người thân, xã hội. Do đó, việc ông Q cho rằng đã bỏ ra số tiền khoảng gần 100.000.000 đồng để làm nhà và một số công trình khác trên đất, nhưng ông không đưa ra được các tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh ông đã bỏ ra số tiền trên, nên không có cơ sở để xem xét đây là tài sản riêng của ông Q. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định đây là di sản của bố mẹ các ông bà để lại để chia cho các đồng thừa kế là có căn cứ.

[2.4] Xét kháng cáo của ông Q yêu cầu buộc tháo dỡ, di dời chuồng trại chăn nuôi của ông Nguyễn Xuân Th xây dựng trên thửa đất số 421, tờ bản đồ 15, diện tích 496m² để trả lại đất chia đều cho các đồng thừa kế thấy. Khi ông Th xây dựng chuồng trại chăn nuôi thì mẹ các ông bà còn sống, các đồng thừa kế cũng đều biết, ông Q ở xa về cũng biết nhưng không ai có ý kiến gì, các cơ quan có thẩm quyền cũng không xử lý đối với ông Th. Do đó, cấp sơ thẩm xác định chuồng trại chăn nuôi là tài sản riêng của ông Th là có căn cứ. Vì vậy, việc ông Q yêu cầu tháo dỡ, di dời chuồng trại sẽ làm mất tính năng sử dụng và gây thiệt hại tài sản cho ông Th, nên Tòa cấp sơ thẩm không chấp nhận là có căn cứ, phù hợp với thực tế.

[2.5] Xét kháng cáo của ông Q đề nghị áp dụng Điều 644 Bộ luật Dân sự để chia cho ông thêm một kỷ phần thừa kế của bố, mẹ để lại theo pháp luật vì là người con tàn tật, bệnh tật hiểm nghèo, nằm viện thường xuyên không thể lao động nuôi sống bản thân được phải nương nhờ vào người thân, xã hội thấy. Theo Điều 644 Bộ luật Dân sự quy định “...con thành niên mà không có khả năng lao động thuộc diện thừa kế không phụ thuộc vào nội dung của di chúc trong trường hợp người lập di chúc không cho hưởng di sản theo di chúc hoặc có cho hưởng nhưng phần mà họ được hưởng theo di chúc ít hơn 2/3 của một suất thừa kế nếu di sản được chia theo pháp luật”. Tuy nhiên, trong vụ án này là chia di sản thừa kế theo pháp luật và ông Q đã được chia di sản một phần tương ứng với một suất thừa kế mà ông được hưởng.

Mặt khác ông Q hiện có gia đình tại Bình Phước và đang hưởng chế độ người tàn tật của Chính Phủ, nên cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu này của ông Quang là có căn cứ.

[2.6] Xét kháng cáo của ông Q đề nghị ghi nhận sự tự nguyện nhường kỷ phần thừa kế của ông Nguyễn Ngọc V cho ông Q sở hữu, sử dụng và định đoạt thấy. Trong quá trình giải quyết vụ án, trong các văn bản ghi ý kiến ngày 16/6/2021, biên bản ghi lời khai ngày 26/6/2021, đơn xin xét xử vắng mặt ngày 26/6/2021 ông V đều trình bày tự nguyện nhường toàn bộ phần di sản mình được thừa kế do bố mẹ để lại cho ông Nguyễn Xuân Q. Đây là sự tự nguyện của ông V, phù hợp với quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên cần chấp nhận, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không ghi nhận. Vì vậy, phần kháng cáo này của ông Q là có căn cứ cần chấp nhận, để sửa bản án sơ thẩm.

[2.7] Về kháng cáo của ông Nguyễn Xuân Th, cũng là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn đề nghị giao toàn bộ diện tích thửa đất số 366, tờ bản đồ số 15, diện tích 624m² cho ông Nguyễn Văn S được sở hữu và sử dụng thấy. Ông Th là người kháng cáo, nhưng ông Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, đã thể hiện ông Th từ bỏ việc kháng cáo, nên cần căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của ông Th.

Từ những phân tích, nhận định trên. Hội đồng xét xử, chấp nhận ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa. Căn cứ khoản 3 Điều 296, khoản 2, 5 Điều 308, Điều 309 và khoản 2 Điều 312 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị đơn và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn; sửa một phần bản án sơ thẩm về phần kháng cáo đề nghị ghi nhận sự tự nguyện nhường kỷ phần thừa kế của ông Nguyễn Ngọc V cho ông Q được sở hữu, sử dụng và định đoạt.

[3] Về án phí chia tài sản và chi phí tố tụng: Ông Q được miễn án phí chia tài sản, nhưng ông Q được nhận kỷ phần di sản thừa của ông V nhường lại, nên phải chịu thay án phí chia tài sản và chi phí tố tụng cho ông V.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Kháng cáo của nguyên đơn được chấp nhận một phần nên không phải chịu án phí; kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Xuân Th, cũng là người đại diện cho các bị đơn ông S, bà C và bà Th bị đình chỉ xét xử phúc thẩm nên phải chịu áp phí để nộp vào ngân sách nhà nước.

[5] Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 296, khoản 2, 5 Điều 308, Điều 309 và khoản 2 Điều 312 Bộ luật Tố tụng dân sự,

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Xuân Th, cũng là người đại diện cho các bị đơn ông Nguyễn Văn S, bà Nguyễn Thị C và bà Nguyễn Thị Th.

Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân Q. Sửa một phần bản án sơ thẩm số 08/2021/DSST ngày 23/7/2021 của Tòa án nhân dân huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình.

Căn cứ các Điều 611, Điều 612, 613, khoản 1 Điều 623, 649, 650; điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 651, Điều 660 Bộ luật dân sự; Điều 147, 148, khoản 2 Điều 157; Điều 158; khoản 2 Điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 26; khoản 7 Điều 27; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Tranh chấp về chia thừa kế tài sản” của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân Q đối với các bị đơn Nguyễn Xuân Th, ông Nguyễn Văn S, ông Nguyễn Ngọc V, bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị Th.

1.1 Di sản thừa kế của cụ Nguyễn M và cụ Phạm Thị Th để lại gồm: quyền sử dụng đất thửa đất số 366, tờ bản đồ 15, diện tích 624m² và tài sản trên thửa đất là ngôi nhà cấp bốn, một số công trình, cây ăn quả tại thôn 4 Đ, xã Đ, huyện Tuyên Hóa và quyền sử dụng thửa đất số 421, tờ bản đồ 15, diện tích 496m² tại thôn 4 Đ, xã Đ, huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình. Hai thửa đất trên đã được Ủy ban nhân dân huyện Tuyên Hóa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên cụ Nguyễn M và cụ Phạm Thị Th. Tổng giá trị di sản thừa kế là 113.474.500 đồng (*Một trăm mười ba triệu bốn trăm bảy mươi bốn nghìn năm trăm đồng*)

1.2 Hàng thừa kế thứ nhất theo pháp luật của cụ Nguyễn M và cụ Phạm Thị Th gồm: ông Nguyễn Xuân Q, ông Nguyễn Xuân Th, ông Nguyễn Văn S, ông Nguyễn Ngọc V, bà Nguyễn Thị C và bà Nguyễn Thị Th.

1.3 Mỗi kỹ phần thừa kế được xác định là: 113.474.500 đồng : 6 = 18.912.000 đồng (*Mười tám triệu, chín trăm mười hai nghìn đồng*).

1.4 Giao cho ông Nguyễn Xuân Q được quyền sử dụng thửa đất số 366, tờ bản đồ 15, diện tích 624m² và sở hữu số tài sản nằm trên thửa đất gồm: 01 ngôi nhà một gian nhà cấp 4, mái lợp tôn, tường xây bao bằng gạch tô trát hoàn chỉnh, nền lát gạch, diện tích 5,7m²; 01 mái che (dàn mát) diện tích 5m² lợp broximăng; 02 cây cau loại đang thu hoạch (có quả); 01 cây cọ trồng trên 3 năm; 02 cây xoan đường kính >25cm; 17 cây chuối chưa thu hoạch; 01 tủ bích phê bằng gỗ; một ao cá sâu <1,5m, diện tích 152m² tại địa chỉ: thôn 4 Đ, xã Đ, huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên cụ Nguyễn M và cụ Phạm Thị Th, có tứ cận và kích thước cụ thể:

- Phía Bắc giáp đất bà Nguyễn Thị C từ điểm số 01 đến điểm số 02 dài 19,3m;
- Phía Nam giáp đường giao thông từ điểm số 05 đến điểm số 06 dài 14,41m;

- Phía Đông giáp đất ông Nguyễn Văn S và ông Nguyễn Văn S2 từ điểm số 07 đến điểm số 08 dài 16,48m; từ điểm số 08 đến điểm số 09 dài 1,75m và từ điểm số 09 đến điểm số 01 dài 16,54m;

- Phía Tây giáp đất ông Nguyễn Văn S2 từ điểm số 02 đến điểm số 03 dài 22,28m; điểm số 03 đến điểm số 04 dài 3,93m và điểm số 04 đến điểm số 05 dài 10,66m.

(Theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 13/5/2021 và sơ đồ bản vẽ hiện trạng sử dụng đất kèm theo có trong hồ sơ vụ án).

Buộc ông Nguyễn Xuân Q phải thanh toán kỷ phần di sản thừa kế cho các đồng thừa kế khác, gồm: Nguyễn Xuân Th, ông Nguyễn Văn S, ông Nguyễn Ngọc V (ông Nguyễn Xuân Q được nhận), bà Nguyễn Thị C và bà Nguyễn Thị Th, mỗi người 17.259.000 đồng (*mười bảy triệu hai trăm năm mươi chín nghìn đồng*).

1.5 Giao cho ông Nguyễn Xuân Th được quyền sử dụng thửa đất số 421; tờ bản đồ 15; diện tích 496m² và được sở hữu tài sản trên thửa đất gồm: một chuồng trại chăn nuôi tường xây gạch cao >2,5m, nền láng xi măng, mái lợp tôn diện tích 166,14m² tại địa chỉ: thôn 4 Đ, xã Đ, huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên cụ Nguyễn M và cụ Phạm Thị Th, có tứ cận và kích thước cụ thể:

- Phía Bắc giáp đường giao thông dài 12,8m.

- Phía Nam giáp suối dài 13,48m.

- Phía Đông giáp thửa đất trồng lúa của ông Nguyễn Văn S dài 36,60m.

- Phía Tây giáp thửa đất lúa của ông Nguyễn Xuân Th dài 38,21m.

(Theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 13/5/2021 và sơ đồ bản vẽ hiện trạng sử dụng đất kèm theo có trong hồ sơ vụ án).

Buộc ông Nguyễn Xuân Th phải thanh toán kỷ phần di sản thừa kế cho các đồng thừa kế khác, gồm: Nguyễn Xuân Q, ông Nguyễn Văn S, ông Nguyễn Ngọc V (ông Nguyễn Xuân Q được nhận), bà Nguyễn Thị C và bà Nguyễn Thị Th, mỗi người số tiền là 1.653.000 đồng (*một triệu sáu trăm năm mươi ba nghìn đồng*).

1.6. Ghi nhận sự thỏa thuận giữa ông Nguyễn Xuân Q và ông Nguyễn Ngọc V. Giao kỷ phần thừa kế của ông Nguyễn Ngọc V cho ông Nguyễn Xuân Q được quyền sở hữu, sử dụng và định đoạt.

Ông Nguyễn Xuân Q và ông Nguyễn Xuân Th có quyền liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai, sau khi thanh toán kỷ phần di sản thừa kế cho các đồng thừa kế khác.

2. Án phí phân chia tài sản: xử buộc ông Nguyễn Xuân Q (chịu thay phần án phí của ông Nguyễn Ngọc V), ông Nguyễn Xuân Th, ông Nguyễn Văn S, bà Nguyễn Thị C và bà Nguyễn Thị Th mỗi người phải chịu 946.000 đồng (*Chín trăm bốn mươi sáu nghìn đồng*) để nộp ngân sách nhà nước.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Xuân Q không phải chịu án phí. Các bị đơn ông Nguyễn Xuân Th, ông Nguyễn Văn S, bà Nguyễn Thị C và bà

Nguyễn Thị Th mỗi người phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) để nộp vào ngân sách nhà nước. Ông Th được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2020/0000072 ngày 03/8/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình.

4. Về chi phí thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: buộc các ông Nguyễn Xuân Th, ông Nguyễn Văn S, bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị Th, ông Nguyễn Ngọc V (ông Nguyễn Xuân Q nộp thay) mỗi người phải nộp lại số tiền 942.000 đồng (chín trăm bốn mươi hai nghìn đồng) để trả lại cho ông Nguyễn Xuân Q.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án dân sự có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THADS H.Tuyên Hóa;
- TAND huyện Tuyên Hóa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Dương Viết Hải

